TCT HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH KHU VỰC MIỀN NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2212/TCTHK - CNMN
V/v Triển khai điều chỉnh Bộ điều kiện chung quốc tế DKC01/VN_V20.17

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2020

Kính gửi:
- Đại lý bán vé máy bay của Vietnam Airlines
- Công ty du lịch

Vietnam Airlines Chi nhánh Khu vực miền Nam triển khai đến Quý Công ty nội dung cụ thể như sau:

STT	Số hiệu biểu giá	Nội dung triển khai
1	DKC01/VN_V20.17	***Điều chỉnh Bộ điều kiện chung quốc tế :*** - Bổ sung nước AO vào nhóm điểm đến của khu vực Trung Đông/ Châu Phi. - Hiệu lực vé xuất và hành trình từ ***14/10/2020***.

Chi tiết vui lòng xem các file đính kèm.

Trong trường hợp có vướng mắc hoặc khó khăn khi triển khai, đề nghị Quý Công ty liên hệ với chuyên viên phụ trách để được trợ giúp.

Đề nghị Quý Công ty triển khai và thực hiện./.

Trân trọng cảm ơn.

TUQ. GIÁM ĐỐC
KT.TRƯỞNG PHÒNG TMHK
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

M.S.C.N: 0100107518-003 - C.T.C.P - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CTCP KHU VỰC MIỀN NAM - Q. TÂN BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Lưu Thị Ngọc Oanh

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- P.KT, P.ĐCBV, AITS;
- CN PQC, VCA;
- Lưu VT, TMHK, *(lynguyen)*.

Đính kèm:
- DKC01/VN_V20.17

Thông báo thay đổi:

Điều kiện	**Chi tiết thay đổi**
Cat 00	Bổ sung thêm AO

Điều kiện	*Hành trình đến*	*Thương gia linh hoạt*	*Thương gia tiêu chuẩn*	*Phổ thông đặc biệt linh hoạt*	*Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn*	*Phổ thông linh hoạt*	*Phổ thông tiêu chuẩn*	*Phổ thông tiết kiệm*	*Phổ thông siêu tiết kiệm*
		J-/C-	*D-/I-*	*W-*	*Z-/U-*	*Y-/B-/M-/S-*	*H-/(K-)/L-/Q-/N-/R-*	*T-/A-/E-*	*G-/P-*
00. Áp dụng									
00.01.Phạm vi áp dụng	Tất cả	Áp dụng cho giá công bố có hành trình từ Việt Nam và giá bán theo biểu giá/giá Adhoc triển khai tại thị trường Việt Nam; giá bán trên website của Vietnam Airlines và các đại lý trực tuyến tại Việt Nam có hành trình từ Việt Nam.							
00.02.Mức giá		Trừ trường hợp được chỉ rõ, giá áp dụng cho hành trình 1 chiều không được phép gấp đôi để tạo thành giá cho hành trình khứ hồi							
00.03. Nhóm điểm đến		Đông Nam Á bao gồm: TH, MY, SG, ID, PH, MM, KH, LA, BN; Đông Bắc Á bao gồm: JP, KR, HK, CN, TW, MN, MO; Châu Âu bao gồm: DE, GB, RU, FR, BE, CH, PL, IT, ES, AT, NO, SE, BG, CZ, PT, LU, TR, UA, FI, IE, DK, RO, HU, RS, GR, NL, XU, HR, LT, EE, BY, SI, MD, AM, AZ, LV; Châu Mỹ bao gồm: US, CA, CU, MX; Trung Đông/ Châu Phi bao gồm: DZ, TN, SA, BH, IL, AE, IN, AO							
00.04.Hạng đặt chỗ		Hạng đặt chỗ là ký tự đầu tiên trong dãy ký tự chỉ Loại giá áp dụng trên các chặng bay của VN trừ trường hợp trong biểu giá có quy định khác.							
Quy định về Hạng đặt chỗ trên VN áp dụng cho chặng bay nội địa nối chuyến quốc tế		Hạng J. Trong trường hợp chuyến bay không khai thác khoang dịch vụ Thương gia, đặt hạng B. Hành lý áp dụng theo hành trình quốc tế.		Hạng W Trong trường hợp chuyến bay không khai thác khoang dịch vụ Phổ thông đặc biệt, đặt hạng B. Hành lý áp dụng theo hành trình quốc tế.	Hạng Z	Hạng B			
Hạng đặt chỗ trên chặng tàu SNCF số hiệu VN2000-VN2999.	Châu Âu	Hạng J		Hạng Y					

Điều kiện	*Hành trình đến*	*Thương gia linh hoạt*	*Thương gia tiêu chuẩn*	*Phổ thông đặc biệt linh hoạt*	*Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn*	*Phổ thông linh hoạt*	*Phổ thông tiêu chuẩn*	*Phổ thông tiết kiệm*	*Phổ thông siêu tiết kiệm*
		J-/C-	*D-/I-*	*W-*	*Z-/U-*	*Y-/B-/M-/S-*	*H-/(K-)/L-/Q-/N-/R-*	*T-/A-/E-*	*G-/P-*
Hạng đặt chỗ chặng HAN/SGN-TPE v.v trên các chuyến bay VN570/571/576/577/578/579	Châu Mỹ	Chặng HAN/SGN-TPE v.v áp dụng hạng đặt chỗ của chặng vượt đại dương		Chặng HAN/SGN-TPE v.v áp dụng hạng Y.					
Hạng đặt chỗ trên OAL	Tất cả	- Đối với các giá tính được tự động từ hệ thống: Áp dụng hạng đặt chỗ hiển thị trên hệ thống - Đối với các giá tính thủ công/không tính được tự động hoàn toàn: Tra cứu **Phụ lục 1** kèm theo Bộ điều kiện này.							
01. Đối tượng áp dụng	Tất cả	Tham chiếu đến biểu giá/Giá adhoc							
02. Thời gian áp dụng	Tất cả	Tham chiếu đến biểu giá/Giá adhoc							
03. Mùa áp dụng	Châu Mỹ *Tính theo ngày khởi hành của chặng bay vượt đại dương đầu tiên*	VN-Canada Mùa L: 01/02-31/05; 01/10-30/11 Mùa H: 01/01-31/01; 01/06-30/09; 01/12-31/12							
		VN-Châu Mỹ khác Mùa L: 01/02-31/05; 01/09-30/11 Mùa H: 01/01-31/01; 01/06-31/08; 01/12-31/12							
	VN-FR *Tính theo ngày khởi hành của chặng bay quốc tế đầu tiên*	Mùa L: 28/01-31/03; 01/04-25/04; 01/05-15/08; 02/09-19/12; 24/12-26/12; 31/12-24/01 Mùa H: 25/01-27/01; 26/04-30/04; 16/08-01/09; 20/12-23/12; 27/12-30/12								
	Khác	Không áp dụng							
04. Giới hạn chuyến bay	Tất cả	1. ***Giá -VN9-*** **/-VN-9- :** Được phép áp dụng trên chuyến bay VN6000-VN6999 2. ***Gía –VNW-/-VNA- cho hành trình có chặng HAN/SGN - TYO/TPE v.v:*** Chỉ áp dụng trên chuyến bay do VN khai thác 3. ***Khác:*** Tra cứu trong Phụ lục 2 kèm theo Bộ điều kiện này							
05. Đặt chỗ, xuất vé									
05.01. Giá du lịch, khách đoàn/lao động/Thuyền viên	Tất cả	Chỗ phải được xác nhận cho cả hành trình trước khi xuất vé. Không được phép xuất vé mở. *Ngoại trừ: Giá lao động RT đi RU được phép xuất vé mở chiều quay về.*							

Điều kiện		*Hành trình đến*	*Thương gia linh hoạt*	*Thương gia tiêu chuẩn*	*Phổ thông đặc biệt linh hoạt*	*Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn*	*Phổ thông linh hoạt*	*Phổ thông tiêu chuẩn*	*Phổ thông tiết kiệm*	*Phổ thông siêu tiết kiệm*
			J-/C-	*D-/I-*	*W-*	*Z-/U-*	*Y-/B-/M-/S-*	*H-/(K-)/L-/Q-/N-/R-*	*T-/A-/E-*	*G-/P-*
05.02. Giá khách lẻ và các đối tượng khác Chỗ phải được xác nhận cho cả hành trình trước khi xuất vé. *Ngoại trừ loại giá J-/W-/Y-*	***a. Điều kiện giá mua trước: giá AP-VN*** *Vé phải xuất tối thiểu … ngày trước ngày khởi hành*	Đông Nam Á	OP-/AP-: 3 ngày; OP1-/ AP1-: 7 ngày; OP2-/AP2:14 ngày; OP3-/ AP3-:21 ngày; OP4-/ AP4: 30 ngày; OP5-/ AP5-:45 ngày; OP6-/ AP6: 60 ngày; OP7-/ AP7: 90 ngày; OP8-/ AP8: 120 ngày; OP9-/ AP9: 150 ngày Vé phải xuất trong vòng 24h sau khi đặt chỗ.							
		Khác	OP-/AP-: 3 ngày; OP1-/ AP1-: 7 ngày; OP2-/AP2:14 ngày; OP3-/ AP3-:21 ngày; OP4-/ AP4: 30 ngày; OP5-/ AP5-:45 ngày; OP6-/ AP6: 60 ngày, OP7-/ AP7: 90 ngày; OP8-/ AP8: 120 ngày; OP9-/ AP9: 150 ngày.							
	b. Điều kiện đối với giá mua ngay (giá -PX-/ -OPX-)	Tất cả	Vé phải xuất trong vòng 24h sau khi đặt chỗ.							
06. Thời hạn dừng tối thiểu										
06.01. Giá du lịch, khách đoàn		ĐNÁ/ĐBÁ	02 ngày							
		RU	03 ngày							
		Khác	04 ngày							
06.02. Giá lao động		RU	08 ngày							
		Khác	Không áp dụng							
06.03. Giá khách lẻ & giá khác		FR	Không áp dụng	D-: Không áp dụng I-: 3 ngày	Không áp dụng	Z-: Không áp dụng U: 3 ngày	Không áp dụng			
		ĐNÁ	Không áp dụng						1 ngày	
		Tất cả	Không áp dụng						1 ngày	
07. Thời hạn dừng tối đa										
07.01. Giá du lịch, khách đoàn		ĐNÁ/HK	10 ngày							
		Khác	14 ngày.							

Điều kiện	*Hành trình đến*	*Thương gia linh hoạt*	*Thương gia tiêu chuẩn*	*Phổ thông đặc biệt linh hoạt*	*Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn*	*Phổ thông linh hoạt*	*Phổ thông tiêu chuẩn*	*Phổ thông tiết kiệm*	*Phổ thông siêu tiết kiệm*
		J-/C-	*D-/I-*	*W-*	*Z-/U-*	*Y-/B-/M-/S-*	*H-/(K-)/L-/Q-/N-/R-*	*T-/A-/E-*	*G-/P-*
07.03. Giá lao động	RU	09 ngày							
	Khác	01 năm							
07.04. Giá khách lẻ & giá khác	Châu Âu	01 năm						03 tháng	
	-VN9-/ -VN-9-							03 tháng	
	Khác							01 năm	
08. Điểm dừng	Tất cả	Được phép dừng, thu phí 10USD/điểm dừng ***Ngoại lệ:*** Không được phép dừng : - Tại các điểm nối chuyến quốc tế (x/) giữa chặng bay của VN và VN* tại TPE/SIN/JKT/TYO/FUK/NGO/OSA/SEL/PUS/PAR/FRA/LON/MOW/ATL/MSP/HNL/LAX/SEA. Ví dụ: VN1-/xTPE-VN*-SFO không được phép dừng tại TPE - Tại điểm nối chuyến giữa chặng bay và chặng tàu hoặc xe buýt. - Tại điểm nối chuyến nội địa Mỹ quy định tại Mục 09.							
09. Điểm trung chuyển	Châu Mỹ	- Hành trình sử dụng đồng thời sản phẩm trên VN, VN*/DL, DL và có chặng bay vượt biển từ TYO đến Mỹ: Được phép trung chuyển (x/) tại 01 điểm nội địa Mỹ/chiều tại ATL/ HNL/ LAX/ MSP/ PDX/ NYC/ SEA/ SFO. Ví dụ: Mức giá của hành trình VN1 VN x/TYO VN* ATL được phép áp dụng cho hành trình VN1 VN x/TYO VN* HNL/LAX/MSP/PDX/NYC/SEA/SFO DL ATL - Hành trình có chặng nội địa Mỹ: mỗi chặng nội địa Mỹ được phép bay vòng qua 1 điểm trong mạng đường bay của hãng hàng không Mỹ tham gia hành trình và không được phép stopover tại điểm bay vòng.							
	Khác	Áp dụng theo biểu giá.							
10. Xây dựng và kết hợp giá									
10.01. Xây dựng giá với mức giá cộng chặng	Tất cả	- Hành trình từ Việt Nam đi Châu Âu, Châu Úc, Đông Bắc Á, Trung Đông-Châu Phi, Châu Mỹ: Được phép kết hợp addon các chặng nội địa Việt Nam đối với giá áp dụng cho đối tượng khách lẻ. - Các hành trình khác và giá khác: Không được phép.							
10.02. Kết hợp giá trên cơ sở ½ giá khứ hồi Sau khi kết hợp áp dụng điều kiện hạn chế nhất *trừ các điều kiện:điều kiện giới hạn chuyến bay (mục 04), thời gian không áp dụng*	Giá –VNW/VNA	Được phép giữa các giá Web của VN							
	Giá khác	**(a) Kết hợp giữa các giá cạnh tranh:** (a1) Giá Du lịch: - Chỉ được phép kết hợp với nhau và trong cùng khu vực (Châu Âu với Châu Âu, Đông Nam Á với Đông Nam Á, Đông Bắc Á với Đông Bắc Á, Châu Úc với Châu Úc) và miễn trừ quy định về TPM (a2) Giá định cư (IOM)/ Giá lao động/ Thuyền viên: Không được phép kết hợp **thành hành trình CT/OJ**. (a3) Giá khác: Được phép kết hợp giữa các giá có cùng mùa. Các giá không có mùa, được áp dụng tất cả các giai đoạn trong năm.							

Điều kiện	*Hành trình đến*	*Thương gia linh hoạt*	*Thương gia tiêu chuẩn*	*Phổ thông đặc biệt linh hoạt*	*Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn*	*Phổ thông linh hoạt*	*Phổ thông tiêu chuẩn*	*Phổ thông tiết kiệm*	*Phổ thông siêu tiết kiệm*
		J-/C-	*D-/I-*	*W-*	*Z-/U-*	*Y-/B-/M-/S-*	*H-/(K-)/L-/Q-/N-/R-*	*T-/A-/E-*	*G-/P-*
(mục 11)		**(b) Kết hợp giữa giá cạnh tranh và giá công bố của VN:** Được phép trong trường hợp xuất vé tự động theo giá tính được tự động trên hệ thống. **(c) Kết hợp giữa giá công bố của VN và giá công bố của OAL/YY:** Được phép trong trường hợp xuất vé tự động theo giá tính được tự động trên hệ thống.							
10.03. Kết hợp giá độc lập/Hành trình phụ *Xuất vé theo giá tính tự động trên hệ thống.*	Giá –VNW/VNA	Được phép giữa các giá Web của VN							
	Giá khác	**(a) Giữa các giá cạnh tranh:** Không được phép.							
		(b) Giữa giá cạnh tranh và giá công bố của VN: Được phép trong trường hợp xuất vé tự động theo giá tính được tự động trên hệ thống.							
		(c) Giữa giá công bố của VN với giá công bố của VN/OAL/YY: Được phép.							
		(d) Kết hợp với giá Visit USA (VUSA fare): Không được phép.							
11. Thời gian không áp dụng	Tất cả	Áp dụng theo biểu giá/giá adhoc.							
12. Khoản thu thêm									
12.1. Khoản thu thêm áp dụng cho từng đoạn tính giá (fare component) đối với vé xuất vé của hãng hàng không khác, không phải vé VN (738): theo khoản thu thêm tính được tự động trên hệ thống									
12.2. Khoản thu thêm áp dụng cho vé 738:									
Chặng nội địa Đức sử dụng sản phẩm tàu DB	Tất cả	20USD							
Áp dụng khi đặt chỗ trên các chuyến bay từ VN8000 đến VN8999 *(khoản thu thêm được tính theo từng chặng bay)*	Tất cả	50USD							
Áp dụng cho đoạn tính giá có chặng bay quốc tế đầu tiên khởi hành vào ngày	Pháp	Không áp dụng Ngoại trừ: Giá S-: 20USD/đoạn tính giá					20USD/đoạn tính giá Ngoại trừ: Giá E-/G-/P-: không áp dụng		

Điều kiện	*Hành trình đến*	*Thương gia linh hoạt*	*Thương gia tiêu chuẩn*	*Phổ thông đặc biệt linh hoạt*	*Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn*	*Phổ thông linh hoạt*	*Phổ thông tiêu chuẩn*	*Phổ thông tiết kiệm*	*Phổ thông siêu tiết kiệm*
		J-/C-	*D-/I-*	*W-*	*Z-/U-*	*Y-/B-/M-/S-*	*H-/(K-)/L-/Q-/N-/R-*	*T-/A-/E-*	*G-/P-*
thứ 6, thứ 7, chủ nhật (ngoại trừ đối tượng khách du lịch, khách đoàn)									
13. Đối tượng đi cùng	Tất cả	Tham chiếu đến biểu giá/Giá adhoc							
15. Hạn chế bán									
15.01. Quảng cáo và bán									
(a) Giá công bố *Loại tiền: USD*	Giới hạn lãnh thổ bán	KH	Hành trình một chiều HAN-REP	Không giới hạn lãnh thổ bán					
			Hành trình khác	Không giới hạn lãnh thổ bán				Chỉ bán tại Việt Nam	
		MY/TH/SG/ MM/JP		Không giới hạn lãnh thổ bán					
		ID	Hành trình VN- DPS v.v	Không giới hạn lãnh thổ bán					
			Hành trình khác	Không giới hạn lãnh thổ bán				Chỉ bán tại Việt Nam Ngoại trừ: Giá T-, A-: Không giới hạn lãnh thổ bán	
		KR		Không giới hạn lãnh thổ bán. *Ngoại trừ: Giá R-: Chỉ bán tại Việt Nam*				Chỉ bán tại Việt Nam	
		CN	Hành trình DAD-HGH v.v, HAN/SGN-SZX v.v, DAD-SHA v.v	Không giới hạn lãnh thổ bán					

Điều kiện	*Hành trình đến*	*Thương gia linh hoạt*	*Thương gia tiêu chuẩn*	*Phổ thông đặc biệt linh hoạt*	*Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn*	*Phổ thông linh hoạt*	*Phổ thông tiêu chuẩn*	*Phổ thông tiết kiệm*	*Phổ thông siêu tiết kiệm*
		J-/C-	*D-/I-*	*W-*	*Z-/U-*	*Y-/B-/M-/S-*	*H-/(K-)/L-/Q-/N-/R-*	*T-/A-/E-*	*G-/P-*
	MO Hành trình HAN-MFM v.v								
	EU	Không giới hạn lãnh thổ bán.						Chỉ bán tại Việt Nam Ngoại trừ: - Giá T: không giới hạn lãnh thổ bán. - Hành trình đến RU: Giá A-, E-: Không giới hạn lãnh thổ bán.	
	Các điểm khác	Không giới hạn lãnh thổ bán.						Chỉ bán tại Việt Nam	
Mã vé		**Áp dụng theo qui định hiển thị trên hệ thống**							
(b) Giá cạnh tranh: *Loại tiền USD*	Tất cả	Chỉ bán tại Việt Nam. Mã vé 738							
c, Giá –VNW *Loại tiền USD*	Tất cả	Áp dụng bán trên websites của VN. Mã vé 738							
d, Giá –VNA *Loại tiền USD*	Tất cả	Áp dụng bán tại đại lý web của VN. Mã vé 738							
15.04. Gia hạn vé									
Giá du lịch, khách đoàn	Tất cả	Không được phép							
Giá khác	Châu Âu	Không áp dụng						Được phép gia hạn thành loại giá có hiệu lực cao hơn.	
	Khác	Không áp dụng							
16. Phạt/Thay đổi: *Lưu ý:* - *Khi có nhiều mức phí/phạt, áp dụng mức phí/phạt cao nhất trong các đoạn tính giá thay đổi.*									
16.01. Giá du lịch, khách đoàn									

Điều kiện		*Hành trình đến*	*Thương gia linh hoạt*	*Thương gia tiêu chuẩn*	*Phổ thông đặc biệt linh hoạt*	*Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn*	*Phổ thông linh hoạt*	*Phổ thông tiêu chuẩn*	*Phổ thông tiết kiệm*	*Phổ thông siêu tiết kiệm*
			J-/C-	*D-/I-*	*W-*	*Z-/U-*	*Y-/B-/M-/S-*	*H-/(K-)/L-/Q-/N-/R-*	*T-/A-/E-*	*G-/P-*
(a) Hoàn/ Hủy vé *Phải đảm bảo quy định về số lượng khách tối thiểu quy định trong biểu giá/Adhoc. Không được hoàn vé đã sử dụng một phần*	***Trước ngày bay ghi trên vé***	ĐNA/ĐBA	Miễn phí	30USD	Miễn phí	30USD	30USD	50USD	Không được phép *Ngoại trừ:* *Giá T: Được phép, phí 50USD*	
		Khác		50USD		50USD	50USD	100USD	Không được phép *Ngoại trừ:* *Giá T: Được phép, phí 100USD*	
	Vào/sau ngày bay ghi trên vé	Tất cả	Không được phép							
(b) Thay đổi										
(b1)Thay đổi đặt chỗ: *Đối với hành trình có chặng nội địa nối chuyến quốc tế: Chặng nội địa được phép thay đổi đặt chỗ miễn phí.*	***Trước ngày bay ghi trên vé***	ĐNÁ/ĐBÁ	Không áp dụng		Miễn phí	30USD	30USD	30USD	50USD	
		Khác				50USD	50USD	50USD	100USD	
	Vào/sau ngày bay ghi trên vé	Tất cả				Không được phép				
(b2) Thay đổi hành trình		Tất cả	Không áp dụng		Không được phép					
(b3) Nâng hạng dịch vụ		Tất cả			Được phép. Không cần đảm bảo số lượng khách tối thiểu.					
16.02. Giá lao động, thuyền viên										

Điều kiện		*Hành trình đến*	*Thương gia linh hoạt*	*Thương gia tiêu chuẩn*	*Phổ thông đặc biệt linh hoạt*	*Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn*	*Phổ thông linh hoạt*	*Phổ thông tiêu chuẩn*	*Phổ thông tiết kiệm*	*Phổ thông siêu tiết kiệm*
			J-/C-	*D-/I-*	*W-*	*Z-/U-*	*Y-/B-/M-/S-*	*H-/(K-)/L-/Q-/N-/R-*	*T-/A-/E-*	*G-/P-*
(a) Hoàn/ Hủy vé	*Trước ngày bay ghi trên vé*	Tất cả	Áp dụng theo điều kiện của giá khách lẻ							
	Vào/sau ngày bay ghi trên vé	RU	Vé đã sử dụng chiều outbound: Được phép hoàn thuế/phí miễn phí.							
		Khác	Áp dụng theo điều kiện của giá khách lẻ							
(b) Thay đổi	*Trước ngày bay ghi trên vé*	KR/MY/TW	(i) Thay đổi đặt chỗ: Được phép miễn phí; (ii) Thay đổi hành trình: Không được phép.							
		Khác	(i) Thay đổi đặt chỗ: Áp dụng theo điều kiện của giá khách lẻ (ii) Thay đổi hành trình: Không được phép.							
	Vào/sau ngày bay ghi trên vé	Tất cả	(i) Thay đổi đặt chỗ: Áp dụng theo điều kiện của giá khách lẻ (ii) Thay đổi hành trình: Không được phép.							
16.03. Giá du học/thăm thân/cô dâu/ định cư										
(a) Hoàn/ hủy vé		Tất cả	Áp dụng theo điều kiện của giá khách lẻ							
(b) Thay đổi		Tất cả	Thay đổi đặt chỗ lần đầu trên chặng quốc tế: Được phép miễn phí và phải xuất đổi vé.							
			Các thay đổi khác: Áp dụng theo điều kiện của giá khách lẻ.							
16.04. Giá khách lẻ và đối tượng khách khác:										
16.04.01. Hành trình bao gồm chặng nội địa Pháp trên chuyến bay VN do SNCF khai thác:* *Ghi chú: Trong trường hợp hoàn/thay đổi vé trên chặng nội địa Pháp trên chuyến bay VN* do SNCF khai thác, chặng thay đổi mới phải được đặt chỗ tối thiểu 72h trước giờ khởi hành.*										
Hoàn vé/Thay đổi	*Trước thời điểm 72 giờ trước giờ khởi hành ghi trên vé của chặng bay VN*/SNCF*	VN-FR	Miễn phí	185USD	Miễn phí	185USD	95USD	125USD	380USD	

Điều kiện		*Hành trình đến*	*Thương gia linh hoạt*	*Thương gia tiêu chuẩn*	*Phổ thông đặc biệt linh hoạt*	*Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn*	*Phổ thông linh hoạt*	*Phổ thông tiêu chuẩn*	*Phổ thông tiết kiệm*	*Phổ thông siêu tiết kiệm*
			J-/C-	*D-/I-*	*W-*	*Z-/U-*	*Y-/B-/M-/S-*	*H-/(K-)/L-/Q-/N-/R-*	*T-/A-/E-*	*G-/P-*
	Vào/sau thời điểm 72 giờ trước giờ khởi hành ghi trên vé của chặng bay VN/SNCF*		185USD	370USD	115USD	300USD	115USD	300USD	500USD	
16.04.02. Hành trình khác										
(a) Hoàn/ hủy vé *Trường hợp khách chỉ bay chặng nội địa trong hành trình nối chuyến quốc tế, tính chặng đã sử dụng bằng giá 1 năm cao nhất tương ứng hạng dịch vụ khách đã mua.*	*Trước ngày bay ghi trên vé*	ĐNÁ/ĐBÁ/ Châu Mỹ	Miễn phí	20USD	Miễn phí	20USD	20USD	20USD	50USD	80USD
		Khác		50USD		50USD		50USD	100USD	250USD
	Vào/sau ngày bay ghi trên vé	ĐNÁ/ĐBÁ/ Châu Mỹ		20USD		20USD	20USD	50USD	80USD	80USD
		Khác		50USD		50USD	50USD	100USD	250USD	250USD
(b) Thay đổi	*Trước ngày bay ghi trên vé*	ĐNÁ/ĐBÁ/ Châu Mỹ	Miễn phí	20USD	Miễn phí	20USD	Miễn phí	20USD	50USD	80USD
		Khác		50USD		50USD		50USD	100USD	250USD

Điều kiện		*Hành trình đến*	*Thương gia linh hoạt*	*Thương gia tiêu chuẩn*	*Phổ thông đặc biệt linh hoạt*	*Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn*	*Phổ thông linh hoạt*	*Phổ thông tiêu chuẩn*	*Phổ thông tiết kiệm*	*Phổ thông siêu tiết kiệm*
			J-/C-	*D-/I-*	*W-*	*Z-/U-*	*Y-/B-/M-/S-*	*H-/(K-)/L-/Q-/N-/R-*	*T-/A-/E-*	*G-/P-*
	Vào/sau ngày bay ghi trên vé	ĐNÁ/ĐBÁ/ Châu Mỹ		20USD		20USD	20USD *Ngoại lệ: Y-: Miễn phí*	50USD	80USD	80USD
		Khác		50USD		50USD	50USD *Ngoại lệ: Y-: Miễn phí*	100USD	250USD	250USD
	Lưu ý: Thay đổi Đối với hành trình có chặng nội địa nối chuyến quốc tế	Tất cả	(b1) Chặng nội địa được phép thay đổi đặt chỗ miễn phí. (b2) Đối với trường hợp đổi từ tạm dừng tại điểm trung chuyển (x) thành dừng (stopover), chỉ thu phí điểm dừng (nếu có), không thu phí đổi hành trình.								
(c) Nâng hạng dịch vụ		Tất cả	Được phép							
18. Ghi vé		Tất cả	*VN đảm bảo chấp nhận các vé xuất tự động theo giá tính được tự động trên hệ thống tại thời điểm xuất vé.* Đối với vé xuất không hoàn toàn tự động/thủ công (manual), ghi vé như dưới đây:							
Ô "FARE", "FARE CALC"	**Giá du lich/ Lao động/ Thuyền viên/ Thăm thân/ Định cư**	Tất cả	(a) Ô ***Fare***: ghi " IT": Chọn phương thức tính giá thủ công (Agent Pricing) và nhập số tiền thực thu vào phần tính giá (Amount). Không nhập mã hóa giá theo ký tự chữ vào ô "Tourcode". (b) Ô ***Fare calc***: ghi hành trình, hãng, "IT", tỷ giá IATA.							
	Giá khác	Tất cả	(a) Ô ***Fare***: ghi giá thực thu (đã bao gồm khoản thu thêm khi nâng hạng đặt chỗ trên OAL, khoản thu thêm dặt chỗ trên chuyến bay liên danh VN* do hãng khác khai thác giá của chặng cộng thêm). (b) Ô ***Fare calc***: ghi hành trình, hãng, tỷ giá IATA, Q (đối với trường hợp phải thu Q trên hệ thống), giá sử dụng để ghi vé trong ô ***Fare*** theo NUC, tỷ giá IATA.							
Ví dụ 1: Ghi giá thực thu đối với hành trình xây dựng giá với mức giá cộng chặng. (a) Hành trình 1 chiều: HAN VN x/TPE VN LAX AA BOS. *Giá OW HAN VN x/TPE VN LAX: 800USD. Giá cộng chặng: LAX AA BOS 200USD/chặng.* Ô ***Fare Calc*** ghi: HAN VN X/TPE VN LAX AA BOS1000.00NUC1000.00END ROE1.00.										

Điều kiện		*Hành trình đến*	*Thương gia linh hoạt*	*Thương gia tiêu chuẩn*	*Phổ thông đặc biệt linh hoạt*	*Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn*	*Phổ thông linh hoạt*	*Phổ thông tiêu chuẩn*	*Phổ thông tiết kiệm*	*Phổ thông siêu tiết kiệm*
			J-/C-	*D-/I-*	*W-*	*Z-/U-*	*Y-/B-/M-/S-*	*H-/(K-)/L-/Q-/N-/R-*	*T-/A-/E-*	*G-/P-*
(b) Hành trình khứ hồi: HAN VN x/PAR AC x/YTO AC YQB. *Giá RT: HAN VN x/PAR AC x/YTO 1000USD (1/2RT = 500USD). Giá cộng chặng: YTO AC YQB 200USD /chặng* Ô ***Fare Calc*** ghi: HAN VN X/TYO AC YTO AC YQB700.00AC YTO AC X/TYO VN HAN700.00NUC1400.00END ROE1.00										
Ô "TOUR CODE"		Tất cả	Ghi số hiệu biểu giá hoặc số phê duyệt adhoc. Trường hợp giá thực thu khác giá ghi trên vé: Ghi mã hóa giá tiền thực thu (Số hiệu biểu giá/số phê duyệt adhoc ghi vào ô "END/RES")							
Ô "ENDORSEMENT/ RESTRICTIONS"	Khách du lịch	Tất cả	GTT. NON-END/EXT. CHANGES RESTRICTED. NOT APPLY ON <số hiệu chuyến bay trong Phụ lục 2>							
	Khách đoàn	Tất cả	NON-END/EXT. CHANGES RESTRICTED. NOT APPLY ON <số hiệu chuyến bay trong Phụ lục 2>							
	Khách lao động	Tất cả	"NON-END/EXT/RTE. CHANGES RESTRICTED.							
	Khách tiểu thương	HAN/SGN-CAN	NON END.RFD/RBK/EXT RESTRICTIONS MAY APPLY. NOT APPLY ON <số hiệu chuyến bay trong Phụ lục 2>							
	Khách lẻ/ Khách khác		NON END. RESTRICTIONS MAY APPLY. NOT APPLY ON <số hiệu chuyến bay trong Phụ lục 2>							
19. Giảm giá cho trẻ em/trẻ nhỏ										
Trẻ em từ 2- <12 tuổi đi cùng người lớn	Khách định cư/ thăm thân (IOM)	VN-US/CA	75% giá áp dụng cho người lớn							
		Khác	50% giá áp dụng cho người lớn							
	Khách lẻ/du học/khách du lịch/đoàn /quốc tịch/ lowbudget	Tất cả	75% giá áp dụng cho người lớn							
	Khách khác	Tất cả	Không áp dụng							
Trẻ nhỏ <2 tuổi đi cùng người lớn	Khách lẻ/ khách du lịch/đoàn/ quốc tịch/	Tất cả	10% giá áp dụng cho người lớn							

<table>
<tr><th colspan="2" rowspan="2">Điều kiện</th><th rowspan="2">Hành trình đến</th><th>Thương gia linh hoạt</th><th>Thương gia tiêu chuẩn</th><th>Phổ thông đặc biệt linh hoạt</th><th>Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn</th><th>Phổ thông linh hoạt</th><th>Phổ thông tiêu chuẩn</th><th>Phổ thông tiết kiệm</th><th>Phổ thông siêu tiết kiệm</th></tr>
<tr><th>J-/C-</th><th>D-/I-</th><th>W-</th><th>Z-/U-</th><th>Y-/B-/M-/S-</th><th>H-/(K-)/L-/Q-/N-/R-</th><th>T-/A-/E-</th><th>G-/P-</th></tr>
<tr><td rowspan="2">không sử dụng chỗ</td><td>định cư/ thăm thân (IOM)/ Lowbudget</td><td></td><td colspan="9"></td></tr>
<tr><td>Khách khác</td><td>Tất cả</td><td colspan="9">Không áp dụng</td></tr>
<tr><td colspan="2">20. Giảm giá cho hướng dẫn viên</td><td>Tất cả</td><td colspan="9">Không áp dụng</td></tr>
<tr><td colspan="2">21. Giảm giá cho đại lý</td><td>Tất cả</td><td colspan="9">Không áp dụng</td></tr>
<tr><td colspan="2">22. Giảm giá khác</td><td>Tất cả</td><td colspan="9">Không áp dụng</td></tr>
<tr><td colspan="12">23. Quy định khác</td></tr>
<tr><td colspan="2">23.1. Hoa hồng</td><td>Tất cả</td><td colspan="9">Tất cả giá là giá tịnh không bao gồm hoa hồng trừ các quy định khác có trong biểu giá của VN</td></tr>
<tr><td colspan="2">23.2. Thuế, phí, phụ thu</td><td>Tất cả</td><td colspan="9">Trừ một vài ngoại lệ ghi cụ thể trong biểu giá, tất cả các giá trong biểu giá không bao gồm bất kỳ một khoản thuế, lệ phí, phụ thu nào. Các nơi xuất vé có trách nhiệm thu đầy đủ các khoản thuế, lệ phí, phụ thu áp dụng (nếu có) và chuyển trả VN theo báo cáo bán hàng kỳ</td></tr>
<tr><td colspan="2">23.3. Hành lý miễn cước</td><td>Tất cả</td><td colspan="8">Áp dụng mức hành lý miễn cước tính được tự động trên hệ thống;
Ngoại trừ: Đối với hành trình hoàn toàn trên VN và do VN khai thác:
- Giá du học sinh, thuyền viên, thăm thân, quốc tịch, định cư, lao động
<table><tr><th>Hành trình</th><th>Phổ thông</th><th>Phổ thông đặc biệt</th><th>Thương gia</th></tr><tr><td>Nội địa Việt Nam</td><td>2pc (23kg)</td><td>2pc (23 kg)</td><td>2pc (32 kg)</td></tr><tr><td>Trong Đông Nam Á (không bao gồm nội địa Việt Nam)</td><td>2pc (23kg)</td><td>2pc (23 kg)</td><td>2pc (32 kg)</td></tr><tr><td>Khác</td><td>2pc (23kg)</td><td>3pc (23 kg)</td><td>3pc (32 kg)</td></tr></table>
Ghi chú: Đông Nam Á bao gồm các nước: BN/TH/MY/SG/ID/PH/LA/KH/MM/VN</td><td>Áp dụng mức hành lý miễn cước tính được tự động trên hệ thống;</td></tr>
<tr><td colspan="12">26. Điều kiện áp dụng cho khách du lịch, khách đoàn (Chỉ áp dụng cho giá –T/G<n>)</td></tr>
<tr><td colspan="2">26.1. Số lượng khách tối thiểu mỗi đoàn</td><td>Tất cả</td><td colspan="9"><n> 4/6/10: 4/6/10 khách.
Các trường hợp sau được tính là một (01) khách trong đoàn: (i) 01 người lớn; (ii) 02 trẻ em đi theo giá áp dụng cho trẻ em.</td></tr>
</table>

Điều kiện		*Hành trình đến*	*Thương gia linh hoạt*	*Thương gia tiêu chuẩn*	*Phổ thông đặc biệt linh hoạt*	*Phổ thông đặc biệt tiêu chuẩn*	*Phổ thông linh hoạt*	*Phổ thông tiêu chuẩn*	*Phổ thông tiết kiệm*	*Phổ thông siêu tiết kiệm*
			J-/C-	*D-/I-*	*W-*	*Z-/U-*	*Y-/B-/M-/S-*	*H-/(K-)/L-/Q-/N-/R-*	*T-/A-/E-*	*G-/P-*
26.2. Điều kiện bắt buộc đi cùng nhau		Tất cả	Khách phải đi cùng nhau trên cả hành trình. *Ngoại trừ*: Các đoàn có điểm khởi hành thuộc CNKVMT (BMV/DAD/DLI/HUI/NHA/PXU/UIH/VCL/VDH/TBB) được phép gom đoàn tại HAN/SGN/DAD/CXR chiều đi và tách đoàn tại HAN/SGN/DAD/CXR chiều về.							
26.3 Điều kiện đặt cọc	Khách đoàn lao động	Tất cả	-Thời điểm đặt cọc: 3 ngày sau khi chỗ được xác nhận và tối thiểu trước 5 ngày so với ngày khởi hành. - Mức đặt cọc: 30% x giá vẽ số lượng chỗ trong booking (được phép hủy miễn phí 15% tổng số chỗ đã đặt cọc. Trường hợp hủy quá 15%, áp dụng mức phạt 30% x giá vé x số chỗ hủy quá. - Trong vòng 5 ngày trước ngày khởi hành, nếu không xuất vé, được phép đặt cọc thêm 70% (đủ 100%) cho cả đoàn khách và phải đảm bảo điều kiện thời hạn báo tên và xuất vé ít nhất 1 ngày trước ngày khởi hành.							
27. Chương trình du lịch		Tất cả	Áp dụng theo biểu giá/Adhoc							

Ưu tiên bán cho Vietnam Airlines:

– Các Đại lý của Vietnam Airlines chỉ được xuất vé VN (vé 738) cho những hành trình thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Có ít nhất một chặng bay trên VN, hoặc VN*

+ Chặng bay trên VN/VN* phải là chặng bay quốc tế đầu tiên nếu VN có chuyến bay trên chặng đó.

Ngoại lệ: Được phép xuất vé VN (vé 738) cho những hành trình nội địa Mỹ, nội địa Canada, giữa Mỹ và Canada, các vé xuất theo giá SkyTeam pass, nội địa Trung Quốc và nội địa Malaysia với điều kiện:

+ Đại lý phải xuất vé VN (vé 738) chặng quốc tế đầu tiên trên VN và Ghi số vé chặng quốc tế trên VN vào ô "Conjuntion Ticket"/"**End/Res"** của vé xuất chặng nội địa Mỹ/Canada/giữa Mỹ và Canada /Trung Quốc/Malaysia/SkyTeam pass

Phụ lục 01: HẠNG ĐẶT CHỖ CHO CÁC CHẶNG BAY TRÊN HÃNG KHÁC

Áp dụng đối với các giá tính thủ công/không tính được tự động hoàn toàn
(Đối với các giá tính được tự động từ hệ thống: áp dụng hạng đặt chỗ hiển thị trên hệ thống)

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Ghi chú	
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn	Khoản thu thêm	Các thông tin khác
AA	Economy	Lao động/ Thăm thân/ Định cư	Tất cả các chặng bay đến Mỹ	Q	Q		Không thu Phụ Thu nhiên liệu dưới dạng Q của AA.
		Các loại giá khác	Tất cả các chặng bay đến Mỹ	Q	Q	- Đặt chỗ hạng N thu thêm 60USD/ 1 chiều bay. - Đặt chỗ hạng S thu thêm 165USD/ 1 chiều bay.	
AC	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay quốc tế	L, S	L, S	- Đặt vào hạng W thu thêm 80USD/chiều - Đặt vào hạng V thu thêm 120USD/chiều	Không thu Q của AC.
AI	Economy	Tất cả	Các chặng bay nội địa Ấn Độ	W	W		
			Các chặng bay quốc tế	W,V	W,V		
AM	Business	Tất cả	Tất cả các chặng bay	D	D		- Hành trình vận chuyển quốc tế phải bao gồm chặng bay của VN và AM; - Không thu Q của AM.
	Economy			N	N	Đặt chỗ hạng E thu thêm 50USD/chiều bay.	
AZ	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay	Áp dụng hạng đặt chỗ trên hệ thống	G		
AF	Business	Tất cả	Chặng nội địa Pháp	Áp dụng hạng đặt chỗ trên hệ thống	Y		
	Economy				R/N/E/Q/U		
	Business	Tất cả	Các chặng bay quốc tế	Áp dụng hạng đặt chỗ trên hệ thống	Z		
	Economy	Tất cả			N/E/Q		

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Ghi chú	
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn	Khoản thu thêm	Các thông tin khác
BA	Business	Tất cả	Tất cả các chặng bay	Áp dụng hạng đặt chỗ trên hệ thống	-		
	Economy				N/V/B		
B2	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay	T	T		
BR	Economy	Tất cả	Các chặng bay giữa TW và US/CA	V, Q	V, Q		
			Chặng bay TPE-BKK/HKG/TYO/FUK/OSA	M	M		
CI	Business	Tất cả	TPE-LAX/SFO/YVR	C	C		
	Economy	Tất cả	TPE - KHH	Y	Y		
		Lao động/ Du học	Các chặng bay khác trừ TPE - KHH	L	L		
		Các loại giá khác	Chặng bay giữa TW và US/CA	L	L	Đặt chỗ hạng X thu thêm 30USD/ 1 chiều bay. - Đặt chỗ hạng N thu thêm 40USD/ 1 chiều bay.	
			Các chặng bay còn lại	L,N	L,N		
CX	Business	Tất cả	Tất cả các chặng bay	I	-		
	Premium Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay	E	-		
	Economy	Y-	Tất cả các chặng bay	L	G		
		Tất cả	Tất cả các chặng bay	N, S	G		
CZ	Business	Tất cả	Tất cả các chặng bay	D	D		
	Economy	Y-/B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-	CAN-NKG	V, E, L, M	V, E, L, M		

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Ghi chú	
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn	Khoản thu thêm	Các thông tin khác
		Các loại giá khác		V, E	V, E		
		Y-/B-	CAN-HGH	V, E, L, M	V, E, L, M		
		M-/S-/H-/K-/L-		V, E, L	V, E, L		
		Q-/N-/R-		V, E	V, E		
		Các loại giá khác		V	V		
		Y-/B-	Chặng bay nội địa Trung Quốc khác	V, E, L, M	V, E, L, M		
		M-/S-/H-/K-/L-		V, E, L	V, E, L		
		Q-/N-/R-		V, E	V, E		
		Các loại giá khác		V	V		
		Y-/B-	Các chặng bay giữa Trung Quốc và Việt Nam	T, V, E, L, M	T, V, E, L, M		
		M-/S-/H-/K-/L-		T, V, E, L	T, V, E, L		
		Q-/N-/R-		T, V, E	T, V, E		
		Các loại giá khác		T, V	T, V		
		Y-/B-	Các chặng bay quốc tế khác	V, E, L, M	V, E, L, M		
		M-/S-/H-/K-/L-		V, E, L	V, E, L		
		Q-/N-/R-		V, E	V, E		
		Các loại giá khác		V	V		
DL	Business	Tất cả	Tất cả các chặng nội địa Mỹ, Canada	Z	Z		
	Economy	W-/Z-/Y-/U-		H	H		
		B-		Q	Q		
		M-/S-		L	L		
		H-/K-/L-/Q-		T	T		
		N-		X	X		
		A-/R-/ T-/P-/E-/G-		V	V		

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Ghi chú	
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn	Khoản thu thêm	Các thông tin khác
EK	Economy	Tất cả	DXB-BAH/FRA/KUL/KWI/PAR/ SIN/THR	T	G		
			Các chặng bay còn lại	L	G		
EY	Business	J-/C-/D-	Tất cả	W	W		
	Economy	Tất cả	BKK-AUH	V	V	Đặt chỗ hạng L thu thêm 40USD/ 1 chiều bay.	
			KUL-AUH	V	V	Đặt chỗ hạng L thu thêm 25USD/ 1 chiều bay.	
			AUH-JED/KWI	V	V	Đặt chỗ hạng L thu thêm 10USD/ 1 chiều bay.	
			Tất cả các chặng bay khác	V,L	V,L		
GA	Business	Tất cả	Các chặng bay nội địa	C	-		
	Economy	Tất cả		T/V/N/Q/Y/ K	G		
GF	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay	Q	Q		
JL	Business	Tất cả	Các chặng nội địa JP	J	J		
	Economy		Các chặng nội địa JP	G	G		
			Các chặng quốc tế	O	O		
KE	Economy	Lao động	Các chặng bay giữa SEL và JP	T	T		
		Các loại giá khác	Các chặng nội địa KR	T	T		
			Các chặng bay giữa KR và US/CA	T	T	- Đặt chỗ hạng Q thu thêm 110 USD/ chiều. - Đặt chỗ hạng K thu thêm 200 USD/ chiều.	Không thu Q của KE.
			Các chặng bay quốc tế khác	T,Q	T,Q		
KL	Economy	Tất cả	W-/Z-/U-/Y-/B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-/R-/T-	N/E	N/E		

Hãng	Hạng dịch vụ		Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Ghi chú	
					Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn	Khoản thu thêm	Các thông tin khác
				E-/P-	N	N		
KQ	Economy		Tất cả	Tất cả các chặng bay	T	T		
LH	Business		Tất cả	Tất cả các chặng bay	Áp dụng hạng đặt chỗ trên hệ thống	Z		
	Economy/Premium Economy		Tất cả			S		
LY	Economy	Lao động	R-/T-/E-/P-/A-/G-	Tất cả các chặng TLV- châu Á	U	U		
			Các hạng khác		U/O	U/O		
			Tất cả	Tất cả các chặng TLV- Châu Âu	U	U		
		Giá khác	R-/T-/E-/P-/A-/G-	TLV-BKK/BOM v.v	U	U		
			Q-/N-		U/O	U/O		
			Các hạng khác		U/O/G	U/O/G		
			R-/T-/E-/P-/A-/G-	TLV-HKG v.v	U	U		
			N-		U/O	U/O		
			Các hạng khác		U/O/G	U/O/G		
			R-/T-/E-/P-/A-/G-	TLV-BJS	U/O	U/O		
			Các hạng khác		U/O/G	U/O/G		
			R-/T-/E-/P-/A-/G-	TLV-PAR/FRA/MOW/LON/ROM	U	U		
			Các hạng khác		U/O/G	U/O/G		
	Business		J-/C-/D-/I-	Tất cả các chặng	J	J		
NH	Business		Tất cả	TYO - CHI/LAX/NYC/SEA/SFO/SJC/WAS/YVR	P	P		Không thu Q của NH.
				Các chặng bay nội địa Nhật	K, L, S, W, V	K		

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Ghi chú	
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn	Khoản thu thêm	Các thông tin khác
	Premium Economy	Tất cả	Các chặng bay nội địa nhật	K, L, S	K		
	Economy	Y-, B-, M-, S-, H-, K-, L-, Q-, N-, R-, T-	TYO - CHI/LAX/NYC/SEA/SFO/ SJC/WAS/YVR	K	K	Đặt chỗ hạng S thu thêm 140USD/ chiều. Đặt chỗ hạng W thu thêm 220USD/chiều.	
			Các chặng quốc tế khác	K	K		
			Các chặng bay nội địa Nhật	K, L, S	K		
		Loại giá khác	TYO - CHI/LAX/NYC/SEA/SFO/ SJC/WAS/YVR	K	K	Đặt chỗ hạng S thu thêm 140USD/ chiều. Đặt chỗ hạng W thu thêm 220USD/chiều.	
			Các chặng quốc tế khác	K	K		
			Các chặng bay nội địa Nhật	K, L	K		
MI	Economy	Tất cả	Tất cả	K, Q	K, Q		
NZ	Business	Tất cả	AKL/CHC/WLG-SYD/MEL v.v	J G,S,L,T,H			Yêu câu đặt chỗ hạng J. Trong trường hợp NZ không khai thác khoang dịch vụ Business, được phép đặt vào các hạng G,S,L,T,H.
	Economy	W-/Z-/Y-/ B-/M-/S-/H-/ K-/L-/Q-/N-	Tất cả	G,S,L,T	G,S,L,T		
		Loại giá khác	Tất cả	G,S	G,S		
OK	Premium Economy/E conomy	W-/Z-/Y-/ B-/M-/ S-/ H-/K-/L-	Tất cả	N,O, Q, S, U, V, W, L, X, A, T, H, K	N,O, Q, S, U, V, W, L, X, A, T, H, K		

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Ghi chú	
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn	Khoản thu thêm	Các thông tin khác
		Q- /N-/R-/ T-/A-		N,O, Q, S, U, V, W, L, X	N,O, Q, S, U, V, W, L, X		
		E-/P-		N,O, Q, S, U, V, W	N,O, Q, S, U, V, W		
OZ	Economy	Tất cả	Các chặng bay Nội địa Hàn quốc	W, V, S	W, V, S		
			Các chặng bay quốc tế	W, V	W, V		
PG	Business	Tất cả	BKK-USM	C, Y	-		
			Các chặng khác	D, C	-		
	Economy	W-/Z-/U-/Y-/B-/M-/S-/H-/K-/L-/Q-/N-	BKK-CNX/HKT/USM	Q, T, N, K, M, Y	Q, T, N, K, M, Y		
		Các loại giá khác		Q, T	Q, T		
		W-/Z-/U-/Y-/B-/M-/S-/H-/K-	Các chặng nội địa Thái Lan khác	Q, T, N, K, M, Y	Q, T, N, K, M, Y		
		L-/Q-/N-		Q, T, N, K	Q, T, N, K		
		Các loại giá khác		Q, T	Q, T		
		W-/Z-/U-/Y-/B-/M-/S-/H-/K-/L-	Các chặng quốc tế	Q, T, N, K, M, Y	Q, T, N, K, M, Y		
		Các loại giá khác		Q, T, N, K			
QR	Economy	Tất cả	DOH-KUL/BKK/HKG	Q,N	G		
			DOH-JED	Q	G		
QF	Business	Tất cả	Các chặng bay nội địa Úc	D, Y(*)	I		(*): Yêu câu đặt chỗ hạng D. Trong trường hợp QF không khai thác khoang dịch vụ Business, được phép đặt vào hạng Y.
			Các chặng bay giữa Úc và New Zealand	I,D			

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Ghi chú	
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn	Khoản thu thêm	Các thông tin khác
	Economy	W-/Y-/B-	Các chặng bay nội địa Úc	S,V,O,Q	G		
		Z-/M-/S-/ H-/K-/L-/ Q-/N-/R-		Q,S,O	G		
		T-/A-		O,Q	G		
		Loại giá khác		O	G		
		Y-/B-/M-/S- H-/K-/L-/Q-/N-/R-	Các chặng bay giữa Úc và New Zealand	Q,N	G		
		Loại giá khác		Q	G		
S7	Business	Tất cả	Tất cả các chặng bay	D	D		
	Economy	Y-/B-/M-/S-/H-	MOW-CEK/GOJ/KRR/KZN/LED/SVX/UFA/KGD/MMK/VOZ	T, S, O, W	T, S, O, W		
		L-/Q-/N-/R-		S, O, W	S, O, W		
		Loại giá khác		O, W	O, W		
		Y-/B-/M-/S-/H-	Các chặng bay còn lại	T, S, O	T, S, O		
		Loại giá khác		S, O	S, O		
SA	Economy	Tất cả	JNB - HKG	V	V	Đặt chỗ hạng Q thu thêm 50USD/ 1 chiều bay.	
			JNB - CPT	W	W	Đặt chỗ hạng S thu thêm 20USD/ 1 chiều bay.	
SB	Economy	Lao động/ Thuyền viên	NOU - TYO/OSA/SYD/SEL	H	H		
SQ	Economy	Tất cả	Tất cả các chặng bay	K	K		
SU	Business	Tất cả	Các chặng bay nội địa Nga	I, L	Không áp dụng		
	Economy	W-/Z-/Y-/B-/M-		L, T, E, N	L, T, E, N, G		Yêu cầu nhập 03 dòng thông báo SSR khi đặt đoàn trên SU như sau:
		U-/S-/H-/L-		T, E, N	T, E, N, G		

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Ghi chú	
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn	Khoản thu thêm	Các thông tin khác
		Q-/N-/R-		E, N	E, N, G		- SSR GRPS SU TCP tổng số khách của đoàn khách và tên đoàn. - SSR GRPS SU 03 ký tự chỉ loại khách đoàn. - SSR GRPF SU thông tin giá SPA hoặc giá cả hành trình.
		Loại giá khác		N	N, G		
TG	Economy	Tất cả	BKK-CCU/CMB/DXB	S,K	S,K		
			BKK-MCT	S	S	Đặt chỗ hạng K thu thêm 60USD/ 1 chiều bay.	
			BKK-KHI			Đặt chỗ hạng K thu thêm 20USD/ 1 chiều bay.	
			BKK-DAC			Đặt chỗ hạng K thu thêm 35USD/ 1 chiều bay.	
			Các chặng bay còn lại				
UL	Business	Tất cả	CMB-BKK/SIN/KUL/BJS/SHA	D	D		
	Economy	Y-/B-/M-/S-/H-/L-		N, S, V, L	N, S, V, L		
		Q-/N-/R-/T-		N, S, V	N, S, V		
		Các loại giá khác		N	N		
VA	Business		Tất cả các chặng bay Nội địa Úc, giữa Úc và New Zealand	I	I		Trong trường hợp VA không khai thác khoang dịch vụ hạng Thương gia trong nội địa Úc, giữa Úc và New Zealand, được phép đặt vào hạng O - khoang dịch vụ Phổ thông đặc biệt. Trong trường hợp VA khai thác máy báy không khai thác khoang dịch vụ Thương gia hay Phổ thông đặc biệt,
	Premium Economy		Tất cả các chặng bay Nội địa Úc, giữa Úc và New Zealand	O	O		
	Economy		Tất cả các chặng bay Nội địa Úc	T, V	T, V		
			Tất cả các chặng bay giữa Úc và New Zealand	T,V	T, V		

Hãng	Hạng dịch vụ	Loại giá	Chặng bay (v.v.)	Hạng đặt chỗ		Ghi chú	
				Khách lẻ	Khách du lịch/đoàn	Khoản thu thêm	Các thông tin khác
							hành khách được đặt chỗ vào các hạng Phổ thông. Lưu ý về đặt chỗ khách đoàn: Bắt buộc điền các thông tin sau vào trong booking: "SSR GRPS GRPF group name" - Phản hồi của KQ VA: Trong vòng 2 ngày làm việc. - Đầu mối khách đoàn của VA: Rm.groups@virginaustralia.com.au

Phụ lục 2: GIỚI HẠN CHUYẾN BAY KHÔNG ÁP DỤNG

1 – Giới hạn chặng bay KHÔNG áp dụng trên OALs đối với một số loại giá:

Loại Giá	Chặng Bay KHÔNG áp dụng	Hãng vận chuyển
J-/C-/D-/I-	PAR-BEG/BRS/BRU/BUH/ATH/BLL/FLR/NAP/OPO/STO v.v	AF
	MOW-OMS/SVX/ROV v.v	SU
	Tất cả	B2/KL/OS/SN
W-/Z-/U-	Tất cả	LX

2 – Giới hạn chuyến bay KHÔNG áp dụng trên OALs:

Hãng vận chuyển	Các chuyến bay KHÔNG áp dụng			
	Từ	Đến	Từ	Đến
8M	Các chuyến bay liên danh của 8M do hãng khác khai thác			
AA	AA6000	AA9999		
AC	AC2400	AC6999	AC9000	AC9999
AF	AF1900	AF3299	AF3325	AF3989
	AF4000	AF4999	AF5120	AF5999
	AF6035	AF6099	AF6170	AF6190
	AF6192	AF6199	AF6280	AF7075
	AF7094	AF7099	AF7230	AF7299
	AF7760	AF9189	AF9224	AF9391
AH	Các chuyến bay liên danh của AH do hãng khác khai thác			
AI	AI3000	AI9999		
AM	AM4000	AM9999		
AY	AY2501	AY9999		
AZ	AZ2400	AZ3999	AZ7000	AZ7999
B2	B20001	B20708		
BA	BA1500	BA2029	BA2350	BA2359
	BA2046	BA2060	BA2370	BA2539
	BA2070	BA2149	BA2800	BA2899
	BA2170	BA2199	BA3000	BA3269
	BA2240	BA2249	BA3300	BA9999
	BA2300	BA2329		
BI	BI3000	BI3999		
BR	BR2145	BR2150	BR2389	BR2399
	BR2171	BR2182	BR2761	BR2800

Hãng vận chuyển	Các chuyến bay KHÔNG áp dụng			
	Từ	Đến	Từ	Đến
BT	BT5000	BT5999	BT7000	BT7999
CA	CA1151	CA1200	CA4600	CA8199
	CA3001	CA3999	CA8300	CA8900
	CA4075	CA4098	CA9001	CA9999
CI	CI 8000	CI 9999		
CX	CX1000	CX1999	CX4000	CX4999
	CX6000	CX7999	CX9000	CX9999
CZ	CZ101	CZ299	CZ4001	CZ4999
	CZ501	CZ599	CZ5001	CZ5200
	CZ701	CZ799	CZ5700	CZ5999
	CZ1001	CZ1999	CZ7001	CZ7999
	CZ2000	CZ2999	CZ9000	CZ9999
DL	DL4200	DL4438	DL5588	DL5589
	DL6271	DL9999		
	Ngoại trừ chuyến bay do OO, 9E, YX khai thác			
EK	EK3000	EK7999		
EY	EY1000	EY1999	EY5500	EY9999
	EY2500	EY5399		
FM	FM1000	FM1999	FM3000	FM4999
	FM8000	FM8999		
GA	GA8800	GA8999	GA9900	GA9999
	GA9000	GA9799		
GF	GF5000	GF6999		
HU	HU8000	HU8999		
HX	HX1000	HX1999		
IB	IB100	IB399	IB4000	IB5999

Hãng vận chuyển	**Các chuyến bay KHÔNG áp dụng**			
	Từ	**Đến**	**Từ**	**Đến**
	IB2360	IB2699	IB7000	IB7999
	IB2800	IB2999	IB9000	IB9999
JL	JL2854	JL2855	JL4331	JL4346
	JL2857	JL2858	JL4401	JL4414
	JL3527	JL3528	JL5000	JL5999
	JL3545	JL3546	JL7000	JL7999
	JL3810	JL3819		
JP	JP9000	JP9999		
JU	JU8000	JU8999		
KA	KA1000	KA1999		
KE	KE3001	KE3999	KE5001	KE7999
KL	KL2000	KL9999		
KQ	KQ1000	KQ9999		
LG	LG1000	LG1999		
LH	LH3800	LH9999		
	Ngoại trừ các chuyến bay của LH khai thác bởi Air Dolomiti (EN), Privatair SA (no code), Deutsche Bahn AG (2A), bus services FRA-SXB			
LO	LO 4000	LO 9999		
LX	LX3000	LX4999	LX7400	LX7499
LY	LY8000	LY9999		
MF	MF1000	MF1999	MF7000	MF7999
	MF3000	MF3999	MF9000	MF9999
MH	MH3000	MH3999	MH5000	MH5999
	MH4000	MH4999	MH9000	MH9999
MI	MI1000	MI9999		
MU	MU1000	MU1999	MU3000	MU4999

Hãng vận chuyển	Các chuyến bay KHÔNG áp dụng			
	Từ	Đến	Từ	Đến
	MU8000	MU8999		
NH	NH3000	NH3200	NH5001	NH9999
	NH3300	NH4840		
NZ	NZ1700	NZ1899	NZ6300	NZ7999
	NZ2000	NZ4999	NZ9000	NZ9999
OK	OK3000	OK4763	OK4765	OK5999
OS	OS7000	OS8999		
OZ	OZ6100	OZ7000	OZ8800	OZ8816
	OZ8100	OZ8109	OZ9101	OZ9999
PR	Các chuyến bay liên danh của PR do hãng khác khai thác			
PS	PS1000	PS9999		
PG	PG3300	PG3399	PG6000	PG6999
	PG3500	PG3699	PG8000	PG9999
	PG4000	PG4999		
QF	QF200	QF399	QF2670	QF2799
	QF2900	QF9999		
QR	QR2000	QR9999		
QV	QV4000	QV4999		
RO	RO9000	RO9999		
S7	S74000	S74999		
SA	SA2000	SA2999	SA7000	SA7950
SB	SB0001	SB0099	SB1000	SB9999
SK	SK3000	SK3999	SK8000	SK8999
	SK6100	SK6175	SK9300	SK9999
	SK6400	SK6899		
SN	SN4000	SN9999		

Hãng vận chuyển	**Các chuyến bay KHÔNG áp dụng**			
	Từ	**Đến**	**Từ**	**Đến**
SQ	SQ1000	SQ9999		
SU	SU3000	SU4999		
TG	TG1000	TG2308	TG2311	TG7999
TK	TK7800	TK9299		
UL	UL2000	UL3999	UL7000	UL7300
	UL5000	UL5300	UL8000	UL8300
	UL6000	UL6300		
UX	UX3000	UX3999		
VA	VA3000	VA3999	VA6500	VA7499
	VA5000	VA5199	VA7990	VA8999
	VA5400	VA6099		
	Và các chuyến VA* do hãng khác khai thác			

3 – Giới hạn chuyến bay KHÔNG áp dụng trên VN (không áp dụng cho các giá –VN9/-VN-9-):

Chặng Bay	Loại Giá	Các chuyến bay KHÔNG áp dụng
SGN/ DAD-BKK v.v	Tất cả	Từ VN2000 đến VN3999
HAN/SGN-REP v.v	T-/A-/E-/P-	
SGN-PNH v.v	R-/T-/A-/E-/P-	
SGN – TPE v.v.	D-/I-/S-/L-/Q-/N-/R-/T-/A-/E-/P-/G-	VN3581/3580/3583/3582
HAN – TPE v.v.	D-/I-/L-/Q-/N-/R-/T-/A-/E-/P-/G-	VN3584/3585/3586/3587
HAN-CAN/BJS/SHA v.v	Tất cả	Từ VN2000 đến VN3999
SGN-CAN/HKG/SHA v.v		
HAN/SGN-SEL/PUS v.v DAD- PUS v.v		
NHA/DAD-SEL v.v		
HAN/SGN-TYO v.v		
Tất cả		Từ VN8000 đến VN8999 *(Trong trường hợp áp dụng tham chiếu điều kiện mục 12.2)*
Tất cả		Từ VN6000 đến VN6999
HAN/SGN- MOW v.v	Tất cả	Từ VN2000 đến VN3999

Phụ lục 3: HƯỚNG DẪN ĐỐI VỚI CHẶNG TÀU, XE BUÝT

TT	Nội dung	Tàu DB	Tàu 9B	Tàu PARBRU - AF* (do SNCF khai thác)	Tàu nội địa Pháp - VN* (do SNCF khai thác)	Xe buýt chặng AUHDXB - VN* (do EY khai thác)	Xe buýt National Express NX
1	**Quy định chung**	- Các loại Tàu do DB khai thác: D, EN, CNL, ICE, IC, IRE, RE, RB, S-bahn, DB Nachtzug. - Khách được sử dụng chuyến tàu bất kỳ trong thời hạn hiệu lực của Flight Coupon chặng tàu hoả, không cần xuất đổi lại vé. - Các điểm nội địa Đức thể hiện trên hệ thống đặt giữ chỗ với mã "QYG" Tờ hành trình in ra tương ứng với "QYG" là "RAILWAY GERMANY".	- Trong nội địa Anh là tàu First Great Western (FGW) và Heathrow Express (HEX). - Khách được sử dụng chuyến tàu bất kỳ trong thời hạn hiệu lực của Flight Coupon chặng tàu hoả, không cần xuất đổi lại vé.		- Áp dụng cho hành khách bay chặng quốc tế của VN nối chuyến trong vòng 24h tại sân bay Paris Charles De Gaulle với chặng tàu của SNCF đi nội địa Pháp số hiệu VN*.	- Áp dụng cho hành khách nối chuyến từ AUH đi DXB. - Trên chặng xe buýt không cung cấp các dịch vụ: (a) Dịch vụ đặc biệt (b) Trẻ em đi một mình (c) Khách phải xác nhận sức khỏe trước khi bay (d) Khách khuyết tật hoặc di chuyển khó khăn. - Điểm DXB được thể hiện trên hệ thống đặt giữ chỗ với mã là XNB.	
2	**Hướng dẫn check-in**	Khách phải check-in chặng tàu trong vòng 72 giờ so với giờ khởi hành của chặng tàu. Khách có thể lấy vé theo 2 cách: **1- Cách 1 (Ưu tiên):**	Check-in trên website www.accesrail.com /checkin nhiều nhất 72h trước giờ khởi hành. Khách cần điền họ/tên và code	**1- Đối với khách đi từ Việt Nam:** - Khách được làm check in thẳng đến BRU. - Tại sân bay CDG, khách tự	**Phòng vé/Đại lý cần thông báo cho hành khách về việc khách phải đến quầy SNCF để đổi vé, không đi thẳng lên tàu. Nếu không thực hiện đúng, hãng tàu sẽ yêu cầu khách mua vé**	**1- Đối với khách đi từ Việt Nam:** - Khách được làm check in thẳng đến DXB - Tại sân bay AUH sau khi làm thủ tục hải quan và nhập cảnh, khách đến	Check-in trên website www.accesrail.com/checkin nhiều nhất 72h trước giờ khởi hành. Khách cần điền họ/tên và code vé điển tử của

TT	Nội dung	Tàu DB	Tàu 9B	Tàu PARBRU - AF* (do SNCF khai thác)	Tàu nội địa Pháp - VN* (do SNCF khai thác)	Xe buýt chặng AUHDXB - VN* (do EY khai thác)	Xe buýt National Express NX
		Check in trực tuyến tại website (www.rail-checkin.com): - Ô "First name": Điền toàn bộ các ký tự sau dấu "/" trong trường Tên của PNR, bao gồm cả MRS/MR; - Ô "Last name": Điền toàn bộ các ký tự đứng trước dấu "/" trong trường Tên của PNR; - Ô "PNR Locator": Điền PNR (mã đặt chỗ) của VN; - Ô "E-ticket number": Điền số vé của khách: 738xxxxxxxxx **2- Cách 2 (trong trường hợp không thể check-in trực tuyến): Tại Sân bay Frankfurt, Dusseldorf, và các**	vé điển tử của VN (13 số) hoặc PNR của VN (6 chữ). Đi lại từ sân bay LHR đến nhà ga London Paddington: Khi check-in khách sẽ nhận được 2 vé : Một cho tàu FGW và một cho HEX cho phép khách đi từ sân bay London Heathrow (khách phải in vé dưới dạng .pdf) Khi đến Terminal 4 ở sân bay LHR, khách cần đi shuttle inter-terminal giữa Heathrow Central (15 phút có một chuyến, mất 4 phút). Từ đó lấy tàu HEX đến nhà ga	mang hành lý lên tầng 2 của sân bay CDG (hướng Bắc), nhân viên của AF sẽ làm thủ tục lên tàu cho khách và hành lý sẽ được hãng AF chuyển đến ga BRU cuối cùng trong vòng 45 phút trước giờ tàu khởi hành. **2- Đối với khách đi từ BRU:** - Làm thủ tục check-in tại quầy làm thủ tục của AF tại ga tầu Brussels- Midi. Thời gian nối chuyến tối thiểu theo quy định tại trang WEB của AF. - Xuất trình vé máy bay để lấy	**mới và có thể thu thêm phí phạt.** **1- Đối với khách đi từ Việt nam:** Khách đến nhà ga 2E (Terminal 2E) sân bay Paris Charles De Gaulle và làm thủ tục như sau: - Làm thủ tục nhập cảnh, lấy hành lý, qua khu vực kiểm tra hải quan. - Đi bộ theo biển chỉ dẫn *"Gare SNCF Railway Station"* tới khu vực ga tàu của SNCF tại nhà ga 2D (Terminal 2D) mất khoảng 20 phút. - Xuống tầng và đến quầy vé của SNCF để làm thủ tục đổi vé của VN sang thẻ lên tàu hỏa của SNCF, số hiệu tàu hỏa TGV. - Làm thủ tục lên tàu hỏa tại các máy màu vàng có dòng chữ "*SNCF compostage de billets"* và lên tàu cùng hành lý của mình. **2- Đối với khách đi từ**	quầy làm thủ tục xe buýt của EY (Etihad Coach Desk) và xuất trình vé điện tử cùng với thẻ lên tàu bay vừa sử dụng. Nhân viên của EY sẽ kiểm tra vé và đưa khách lên xe buýt. **2- Đối với khách đi từ DXB:** - Khách có thể làm thủ tục check-in trước chuyến bay từ 6-24 giờ tại Chelsea Towers (XNB) hoặc Dubai Marina Mall (XMB) cùng nằm trên phố Sheikh Zayed road, Dubai), check-in hành lý và nhận thẻ lên tàu.	VN (13 số) hoặc PNR của VN (6 chữ). Sau đó khách cần in vé, vé đó sẽ là boarding pass để khách sử dụng chặng nội địa Anh trên NX. Từ sân bay Heathrow Express Terminal 4 cho đến trạm bắt xe buýt National Express Central Station, khách có thể đi Shuttle Aiport Express đến Terminal 3 hoàn toàn miễn phí (15 phút có một chuyến) rồi đi bộ 5 phút sẽ tới Central Bus Station. Vé NX có hiệu lực vào ngày giờ được in trên vé, tuy nhiên trong trường hợp khách đến Bus Station sớm hơn hoặc muộn hơn chuyến được

TT	Nội dung	Tàu DB	Tàu 9B	Tàu PARBRU - AF* (do SNCF khai thác)	Tàu nội địa Pháp - VN* (do SNCF khai thác)	Xe buýt chặng AUHDXB - VN* (do EY khai thác)	Xe buýt National Express NX
		nhà ga trung tâm lớn tại Đức: hành khách có thể tới các ga tự phục vụ để tiến hành tực check-in và in thẻ lên tàu.	London Paddington (đi mất 15 phút) Đi lại từ nhà ga London Paddington đến sân bay LHR: Các tàu thường sẽ xuất phát từ Platforms 6 và 7 tại nhà ga London Paddington. Để đến Terminal 4, xuống đổi tàu tại Heathrow Central và bắt tàu transfer miễn phí (15 phút có một chuyến, mất 4 phút).	vé tàu. - Khách được làm thủ tục check-in thẳng về Việt Nam. Riêng về hành lý, khi đến ga TGV ở sân bay CDG, khách phải tự mang hành lý sang quầy check-in của VN để làm thủ tục ký gửi hành lý đến điểm cuối.	**các điểm nội địa Pháp:** Khách đến nhà ga của SNCF và làm thủ tục như sau: - Tại quầy vé của SNCF, làm thủ tục through check-in, sử dụng vé máy bay của VN để đổi sang thẻ lên tàu hỏa TGV và có thể nhận thêm thẻ lên máy bay của VN. - Làm thủ tục lên tàu hỏa tại các máy màu vàng có dòng chữ *"SNCF compostage de billets"* bằng thẻ lên tàu hỏa và lên tàu cùng hành lý của mình. - Đến sân bay Paris Charles De Gaulle, khách lấy hành lý ra và đi bộ khoảng 20 phút đến quầy check-in của VN tại nhà ga 2E (Terminal 2E). - Tại quầy của VN, xuất trình visa/hộ chiếu để làm thủ tục, ký gửi hành lý và nhận thẻ lên máy bay của VN - Làm thủ tục xuất nhập		in trên vé, khách vẫn sẽ được vận chuyển trên chuyến xe sau (nếu còn ghế).

TT	Nội dung	Tàu DB	Tàu 9B	Tàu PARBRU - AF* (do SNCF khai thác)	Tàu nội địa Pháp - VN* (do SNCF khai thác)	Xe buýt chặng AUHDXB - VN* (do EY khai thác)	Xe buýt National Express NX
					cảnh và lên máy bay.		
3	**Quy định về hành lý**	Chặng tàu hoả không bị giới hạn mức hành lý miễn cước. Trên vé, ghi mức hành lý miễn cước áp dụng như chặng bay.	Chặng tàu hoả không bị giới hạn mức hành lý miễn cước. Trên vé, ghi mức hành lý miễn cước áp dụng như chặng bay.		Chặng tàu áp dụng theo chính sách hành lý của VN. Khách phải thỏa mãn các điều kiện sau: - Hành lý phải được dán nhãn với thông tin họ và tên, địa chỉ/ điện thoại của hành khách. Hành khách tự chịu trách nhiệm bảo quản hành lý. - Vali, túi du lịch và ba lô được chấp nhận với điều kiện hành khách có thể tự vận chuyển và có thể xếp vào khoang hành lý chuyên dụng của tàu TGV. - 01 khách chỉ được mang 01 kiện hành lý đặc biệt sau: + Xe đạp có thể gấp và tháo dỡ được trong một chiếc túi xe đạp chuyên dụng có kích cỡ tối đa 120 x 90cm; + Ván trượt, xe đẩy gấp được;		

TT	Nội dung	Tàu DB	Tàu 9B	Tàu PARBRU - AF* (do SNCF khai thác)	Tàu nội địa Pháp - VN* (do SNCF khai thác)	Xe buýt chặng AUHDXB - VN* (do EY khai thác)	Xe buýt National Express NX
					+ Ván lướt sóng được đóng gọn trong một túi có kích cỡ tối đa 120 x 90cm; + Xe lăn điện hoặc điều khiển bằng tay.		
4	**Thông tin, liên hệ**	- Tra cứu thông tin và in lịch trình để phát cho khách tại trang Web: http://www.bahn.de/p_en/view/booking/individual-planning/personal-timetable.shtml Click "Create your personal timetable"	Khi xử lý vé cần kiểm tra xem khách đã lấy vé tàu hay chưa, liên hệ với 9B theo địa chỉ: Accesrail Help Desk - info@accesrail.com .	Tra cứu thông tin tại trang Web: http://www.airfrance.be/BE/en/common/resainfovol/avion_train/avion_train_ligne_cdgbru.htm#6		Tra cứu thông tin tại trang Web: Web: www.etihadairways.com . Điện thoại liên hệ: (a) Tại UAE: 8002277/02 599 0000; (b) Tại các địa điểm khác: +971 2 599 084.	Liên hệ theo địa chỉ: Accesrail Help Desk - info@accesrail.com

Lưu ý: Hành trình có LH khai thác bằng tàu áp dụng tương tự quy trình như đối với chặng bay LH khai thác.*

Phụ lục 4: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG HÀNH TRÌNH CỘNG CHẶNG ĐỐI VỚI CÁC VÉ KHÔNG XUẤT TỰ ĐỘNG

1. Được phép xây dựng giá cộng chặng khi hành trình chính và chặng cộng thêm sử dụng
   - Cùng hạng dịch vụ
   - Khác hạng dịch vụ nếu chuyến bay chặng nội địa không khai thác khoang dịch vụ thương gia.
2. Hành trình chính chỉ được phép cộng chặng khi:
   - Hành trình từ Việt Nam được chỉ ra trong biểu giá áp dụng tại thị trường Việt Nam.
   - Hành trình kết hợp giá trên cơ sở ½ giá khứ hồi được chỉ ra trong biểu giá áp dụng tại thị trường Việt Nam.
3. Các điểm xây dựng giá cộng chặng phải là điểm xuất phát của hành trình chính
4. Chặng cộng chặng chỉ được sử dụng một lần trong một đoạn tính giá.
5. Khác:
   - Loại giá, số hiệu biểu giá, điều kiện giá tuân thủ điều kiện của hành trình chính.
   - Trong trường hợp hành trình chính và chặng cộng thêm sử dụng khác hạng dịch vụ do chuyến bay chặng cộng thêm không khai thác khoang dịch vụ tương ứng với chuyến bay trên hành trình chính:
     - Chặng cộng thêm sử dụng hạng dịch vụ phổ thông: ghi “Y“ trong ô Loại giá
     - Chặng cộng thêm sử dụng hạng dịch vụ thương gia: ghi “C“ trong ô Loại giá